

Công Chúa Liễu Hạnh

Ngày xưa, vào năm Thiêu Hựu, đời Hậu Lê (1557) ở thôn An Thái, làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, thuộc tỉnh Nam Định ngày nay, có một gia đình nhà họ Lê. Phu nhân Lê Thái Công mang thai gần đến kỳ sinh nở, mắc phải bệnh suy nhược, chỉ thích ăn toàn là hoa quả. Không có thuốc men nào chữa khỏi.

Một hôm, có một vị đạo sĩ đến ra mắt, xin chữa bệnh cho phu nhân. Trước bàn thờ, người đạo sĩ này đọc mấy câu thần chú, rồi vút chiếc buá ngọc xuống đất. Ông Lê Thái Công bỗng ngã ra bất tỉnh, rồi thấy mình được đưa lên Thiên Đình. Tại đây, Thái Công thấy mình dự một bữa tiệc lớn, do Ngọc Hoàng khoản đãi. Ông thấy Công Chúa Quỳnh Nương lỡ tay làm rơi chén ngọc, bị đầy ải xuống trần gian.

Khi Thái Công tỉnh dậy, thì hay tin là phu nhân vừa hạ sinh được một cô con gái. Thái Công sung sướng đặt tên con là Giáng Tiên.

Lớn lên, Giáng Tiên xinh đẹp thêm, giỏi văn thơ, đánh đàn thổi sáo và soạn nhiều bài hát rất hay. Năm 18 tuổi, nàng kết duyên cùng Đào Lang, là con nuôi của một vị quan trí sĩ ở cùng làng.

Ba năm sau, vào ngày mồng 3 tháng 3, Giáng Tiên đột ngột từ trần. Người ta nói nàng là tiên trở về thượng giới. Tuy nhiên, Ngọc Hoàng thấy nàng chưa hết hạn đi đầy, bắt nàng phải trở xuống thế gian. Lần này, nàng xuất hiện dưới lốt một vị nữ thần, đi theo là 2 ngọc nữ Quế Nương và Thị Nương. Theo lệnh thiên đình, 3 vị tiên nữ đã hiện xuống giữa ban ngày ở vùng Phố Cát, tỉnh Thanh Hoá.

Ba nàng tiên đã lập chỗ trú ngụ giữa một nơi phong cảnh kỳ tú của nước Việt. Chẳng mấy chốc, cả vùng đều biết tiếng các vị tiên nữ, vì những phép linh ứng của 2 nàng. Dân chúng tỏ lòng biết ơn, đã xây một ngôi đền thờ cạnh núi, để thờ phượng. Đền thờ này được gọi là đền thờ Công Chúa Liễu Hạnh.

Công Chúa Liễu Hạnh thường hiển hiện ban phúc lành cho dân gian. Triều đình nghe danh tiếng, đã phong tặng nàng làm Thượng Đẳng Phúc Thần.

Vào cuối đời Lê, có một vị lão quan 80 tuổi, một hôm nằm mộng thấy Công Chúa Liễu Hạnh đi giữa 2000 tiên nữ theo hầu, mang đến cho ông một chiếu sắc của Ngọc Hoàng. Trong giấc mơ, ông thấy Công Chúa Liễu Hạnh lên xe mây, có nhiều cờ xí lộng lẫy trùng điệp dẫn đường, và thấy có vô số nhạc công đi theo. Người ta đoán rằng Công Chúa đã mãn kỳ hạn ở trần gian, nay đã trở về trời.

Trong thời gian còn ở Thanh Hoá, Công Chúa Liễu Hạnh đã ngao du khắp nước Việt, nhất là ở Lạng Sơn. Nàng thường hay lui tới các thắng cảnh ở Kinh Đô. Có lần, nàng đã giả dạng làm một cô hàng bán rượu ở Hồ Tây, để hoạ thơ với danh sĩ Phùng Khắc Khoan cùng hai người bạn của ông họ Ngô và Lý.

Sau khi Liễu Hạnh về trời, hai tiên nữ Quế Nương và Thị Nương thường đứng ra làm trung gian cho dân chúng cầu xin đến Công Chúa. Dân gian tin tưởng Bà Chúa Liễu, lập đền thờ bà khá trọng thể ở Phủ Giầy, Nam Định, nơi nàng đầu thai. Dân cũng lập đền thờ Bà Chúa Liễu ở Phố Cát và Đền Sòng tại Thanh Hoá, nơi nàng xuống trần lần thứ hai.

Tại Hà Nội, có Đền Sùng Sơn ở đường Hàng Bột, thờ phượng bà Chúa Liễu. Hàng năm, đến ngày huý của Công Chúa Liễu Hạnh, người ta tưng bừng rước lễ, dân chúng đã đi trảy hội rất đông.

Hội Phủ Giầy

Trong tâm thức dân gian người Việt Nam, bà Chúa Liễu đã được suy tôn là Thánh Mẫu, là một trong Tứ Bất Tử của điện thần Việt Nam. Huyền thoại về Bà được truyền tụng rộng khắp từ Bắc vào Nam, từ miền

xuôi lên vùng núi. Hơn thế nữa, những huyền thoại này gắn với di tích tôn thờ Bà ở khắp mọi nơi, mà phủ Giầy là trung tâm, gắn với các sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa, trong đó tiêu biểu nhất là hội phủ Giầy.

Phủ Giầy có tên cổ là Kê Giầy, từ sau khi Liễu Hạnh được sắc phong công chúa thì được gọi là Phủ. Thực ra ở phủ Giầy có một hệ thống kiến trúc liên quan tới Liễu Hạnh, đó là phủ chính, phủ Vân Cát và lăng Chúa Liễu.

Phủ chính là một kiến trúc khá qui mô, gồm ba lớp điện thờ, mặt đều quay về hướng nam, trước điện là giếng tròn và cột cờ, trên sân rộng phía trước có xây các nhà bia, nhà trống, nhà chiêng, kiến trúc kiểu bốn mái hai lớp. Chúa Liễu và hệ thống Tứ Phủ được thờ ở tòa điện trong cùng, Mẫu Thượng Thiên hóa thân thành Liễu Hạnh thờ ở trung tâm, bên trái là Mẫu Thoải, bên phải là Mẫu Địa, phía trước là Mẫu Thượng Ngàn (Nhạc Phủ).

Tại làng Vân Cát, cách không xa phủ Giầy có kiến trúc phủ Vân Cát. Phía trước đền có hồ bán nguyệt, nối với bờ bằng cầu đá, chạm trổ rất công phu. Phủ Vân có Ngũ Môn và bốn cung, trung tâm thờ Chúa Liễu, bên trái là chùa thờ Phật, bên phải thờ Lý Nam Đế.

Lăng Chúc Liễu nằm gần phủ Chính, được dựng bằng đá, kiến trúc công phu và rất đẹp, độc đáo, xây dựng vào những thập kỷ của nửa đầu thế kỷ này. Trung tâm lăng là ngôi mộ hình bát giác, mộ ở thế đất cao, có bốn cửa và bậc thang lên xuống. Xung quanh mộ, còn có tường vây quanh theo kiểu lan can đá, lớp nào cũng có cửa vào ở bốn phía. Bốn góc của lớp tường vây quanh và hai trụ cửa ra vào đều chạm đá hình nụ sen (60 nụ sen) lô nhô như một hồ sen đá.

Ngoài hai phủ chính và lăng kể trên, xung quanh phủ Giầy còn có nhiều đền miếu bao quanh, như đền Khâm Sai, đền Công Đồng, đền Thượng, đền Quan, đền Đức Vua, đền Giếng, đền Cây Đa, đình Ông Khổng... Tất cả quần thể kiến trúc ấy gần như tập trung trong phạm vi xã Kim Thái, xưa là xã An Thái, thuộc huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, cách thành phố Nam Định khoảng 15 km. Đó là vùng đồng bằng với những cánh đồng lúa bát ngát, có những ngọn núi đá thấp nằm rải rác, làng mạc trù phú, có dòng sông hiền hòa uốn khúc quanh co, tạo nên cảnh sắc thiên nhiên và văn hóa rất nên thơ.

Người ta tin rằng Bà Chúa Liễu vốn là con gái của Ngọc Hoàng, vì phạm lỗi nên bị đầy xuống trần gian, thác sinh vào nhà họ Lê. Khi cất tiếng khóc chào đời, bố mẹ đặt tên là Giáng Tiên, tới năm 18 tuổi thì gả chồng. Lấy chồng mới được ba năm thì hết hạn đầy bị gọi về trời. Nhưng vì nhớ chồng con, Ngọc Hoàng lại phải cho nàng trở về hạ giới. Lần này trở lại, nàng thích vân du khắp nơi, gặp danh sĩ Phùng Khắc Khoan và họa thơ với ông ở Lạng sơn và Hồ Tây, sau lại kết duyên với một thư sinh ở xứ Nghệ và giúp cho chồng đỗ đạt làm quan. Vừa lúc đó nàng lại có lệnh về trời. Trái lệnh vua cha, một lần nữa nàng lại giáng sinh. Lần này nàng không ở một nơi mà cùng hai thị nữ chu du thiên hạ. Thấy vùng Phố Cát là nơi phong cảnh đẹp, nàng hiển linh thành cô gái bán nước ven đường để trêu ghẹo, trừng phạt những kẻ ác, gia ân cho người hiền. Triều đình nhà Trịnh lúc đó cho là yêu quái nên đem quân, dùng pháp thuật để trừ. Hai bên đã dàn quân đánh nhau, đó là "Sùng Sơn đại chiến".

Do lập mẹo quân triều đình có cơ thắng, nhưng vừa lúc đó đức Phật ra tay, giảng hòa, cứu Liễu Hạnh. Nàng được triều đình phong thần là Nữ Hoàng Công Chúa rồi Chế Thắng Đại Vương. Từ đó Liễu Hạnh công chúa không gây kinh sợ cho mọi người, mà luôn luôn ban phát ân đức, được nhân dân tôn thờ là Thánh Mẫu.

Tháng tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ

Đó là câu nói cửa miệng của bất cứ người Việt nào dù họ sinh sống trên quê hương hay đã tha phương nơi đất khách quê người. Trong tâm thức dân gian, vui Hùng là ông Tổ, nên "Dù ai đi ngược về xuôi nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba", còn Liễu Hạnh là Mẫu (Mẹ), Trần Hưng Đạo là Cha, cả dân tộc coi cộng đồng mình như một gia tộc, có tổ tiên, cha mẹ.

Tháng ba, vào cuối tiết xuân, những người nông dân đang buổi nông nhàn, rủ nhau mở mùa trẩy hội. Từ

muôn nơi người ta đổ về phủ Giày, nơi có phong cảnh non nước tươi đẹp, công trình đền miếu nguy nga, nơi con người có thể cầu mong Mẫu mang lại những điều tốt lành, may mắn, tài lộc. Trong mười ngày hội phủ, người về dự tính tới hàng vạn, đứng trên non Gôi nhìn xuống, dòng người trải hội rực rỡ áo quần, từ muôn ngả đổ về, trườn đi từ từ như con rồng uốn khúc trên thảm lúa xanh non đang thì con gái.

Xưa kia, hội phủ kéo dài trong mười ngày bắt đầu từ 30 tháng hai. Ngày đầu hội là nghi thức cúng tế, ngày cuối hội rước Thánh Mẫu, ngoài ra còn có các trò vui chơi dân dã khác. 30 tháng hai và mùng một tháng ba là ngày dành cho dân làng tế ky, từ ngày mùng ba trở đi là ngày quốc tế, ngày tế của các quan chức hàng tỉnh, hàng huyện. Xưa, quan tổng đốc hàng tỉnh vào làm chủ tế, rồi đến quan tri huyện cùng với chánh, phó tổng cũng vào chủ tế hàng huyện và hàng tổng. Nghi thức tế lễ cũng giống như nhiều cuộc khác, có các tuần dâng hương, dâng hoa, dâng rượu...

Tiêu biểu nhất trong hội phủ Giày là nghi lễ rước Thánh Mẫu từ phủ Chính lên chùa Gôi vào ngày mùng 6 và hội kéo chữ vào ngày mùng 7. Kiệu rước bát nhang Thánh Mẫu phần lớn do các bà, các cô đảm nhận, y phục rực rỡ, xúm xít dưới kiệu vàng, võng điều, cờ quạt, tán, lọng, phướn đủ màu rực rỡ tung bay trước gió lồng lộng vào tiết cuối xuân, đầu hè. Theo đoàn rước còn có đội nhã nhạc, bát âm. Các cô gái đồng trinh của đồng quê được cử vào khiêng long đình, rước võng, khiêng kiệu, che tán, che quạt, các bà trung niên thì cầm phướn, vác cờ, dẹp đường. Đoàn rước tiến bước giữa tiếng loa thét, rùng rờ phướn tung bay trong đoàn thiện nam tín nữ đi trải hội.

Nghi thức rước Thánh Mẫu giữa phủ thờ và chùa không phải chỉ diễn ra ở phủ Giày, nó phản ánh thực tế có sự giao kết giữa tín ngưỡng thờ Mẫu dân gian và Phật giáo. Trong huyền thoại về Chúa Liễu, trận Sùng Sơn thể hiện sự xung đột giữa Chúa Liễu và triều đình phong kiến, sau đó phải cần tới sự cứu giúp và can thiệp của đức Phật. Tương truyền, chúa Liễu sau đó đã nhận mũ áo nhà Phật, noi theo Phật, chỉ làm việc thiện ban phát ân đức. Hiện nay, trong nhiều ngôi chùa thờ Phật Việt Nam đều có điện thờ Mẫu, theo kiểu tiền Phật hậu Mẫu. Sinh hoạt tín ngưỡng Mẫu trở thành một bộ phận của sinh hoạt nhà chùa.

Ngày 7 tháng ba là ngày hội kéo chữ, nét độc đáo nhất của hội phủ Giày. Theo lời kể của nhân dân địa phương thì sự tích hội kéo chữ như sau:

Thời hậu Lê ở thôn Đông Khê, tổng Đồng Nội, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định có một người kỹ nữ tài sắc tuyệt vời, đó là Phùng Thị Ngọc Đài. Sau khi lấy lễ hết ông Quận Công Ngà, đến quận Công Hiên, Ngọc Đài trở về ở xã Bảo Ngũ, huyện Vụ Bản là nguyên quán của ông Quận Công Hiên. Năm 1623 vua Lê Thần Tông phong chức Thành Đông Vương cho chúa Trịnh Tráng, chúa ra lệnh mở tiệc ăn mừng, cho tuyển nhiều ả đào đẹp ở các địa phương tiến dâng về Thăng Long để múa hát mua vui trong bữa tiệc.

Ngọc Đài tuy đã góa chồng, nhưng nhan sắc xinh đẹp, kiêu diễm, nên lần đó nàng cũng xin đi ứng tuyển. Trước khi lên đường, nàng đến phủ Giày quỳ trước bàn thờ Thánh Mẫu và cầu khẩn: "nếu lần này đi mà được vua yêu, chúa dùng thì không bao giờ quên Mẫu, xin hứa làm cái gì để ghi nhớ Mẫu mãi mãi về sau". Quả nhiên, lời cầu xin của Ngọc Đài được ứng nghiệm. Trong bữa tiệc, biết bao ca kỹ dung nhan tuyệt vời, giọng hát hay mà chúa Trịnh Tráng chỉ say đắm một mình Ngọc Đài. Sau bữa tiệc, nàng được vời vào dinh, được chúa sủng ái và phong cho chức Vương Phi.

Thời kỳ Ngọc Đài làm Vương Phi trong phủ chúa thì cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn nổ ra dữ dội hơn, chúa Trịnh ra lệnh bắt phu về Thăng Long xây dựng hệ thống phòng thủ kiên cố, phòng chúa Nguyễn tấn công.

Trong số phu bị bắt về Thăng Long, có những người quê ở Vụ Bản. Bà Vương Phi biết tin này nên tìm cách cứu giúp dân phu của quê hương bản quán mình, nên đã mật báo cho dân phu khi về tới Kinh chỉ mặc áo rách và ăn cháo cám mà thôi. Một hôm chúa và cung phi cùng đi thị sát dân phu, chúa thấy đám phu ngồi ăn cháo cám. Chúa hỏi mới biết là người Vụ Bản. Nhân lúc đó, Vương Phi tỏ ra buồn rầu, khiến chúa Trịnh thắc mắc. Khi được biết dân phu đó chính là người cùng quê với Vương Phi, chúa Trịnh tức khắc ra lệnh miễn phu cho họ, cấp lương thực, quần áo về quê quán làm ăn, sinh sống. Hơn thế nữa, chúa còn cấp lương thực vải vóc cho toàn bộ dân làng Bảo Ngũ, làng Vương Phi đã ở trước khi vào cung. Ghi nhớ công đức đó, nay dân làng thờ Vương Phi là Thành Hoàng làng.

Sau khi nhận được gia ân của chúa Trịnh, Vương Phi muốn làm điều gì đó để lại ghi nhớ sự phù trợ của Thánh Mẫu nên dặn dân làng phủ Giày là cứ sau ngày rước Mẫu từ phủ Chính lên chùa Gôi, thì dân làng đem xềng, cuốc, mai, thuổng đến trước phủ Giày vớt ngổ ngang xuống đất, tỏ ý nhờ linh ứng của Thánh nên dân làng không phải chịu cảnh nhọc nhằn phu phen, rồi xếp người thành hai chữ "Cung tạ".

Từ đó về sau, năm nào cũng có tục kéo chữ. Trước kia, hàng năm cứ tới ngày này mỗi tổng trong huyện Vụ Bản góp 10 phu cò tuổi từ 20 tới 35 tới dự hội. Cả huyện có mười tổng, gộp thành 100 phu cò. Ngoài ra còn có một số tổng khác, như Mỹ Lộc, Bình Lục, nhưng vẫn nhớ tục cũ, cũng góp thêm người vào cuộc hội này.

Phu cò ăn mặc đồng phục, áo cánh vàng quần trắng, đầu đội khăn đen, có phủ dải lụa vòng ra ngoài, đi chân đất. Mỗi người còn vác một cây gậy dài bốn, năm thước, trên đầu gậy buộc một cái ngù bằng lông gà các đốt gậy đều dán vòng giấy màu xanh, đỏ có tua. Chỉ huy toàn bộ những phu cò là Tổng cò.

Đoàn phu cò hẹn tập trung tại một địa điểm nào đó, rồi lần lượt theo chỉ huy của Tổng cò đi hàng đôi tiến vào khoảng đất rộng trước Phường Du của phủ Chính. Khoảng trưa, có lệnh Tổng cò cho phu cò chuẩn bị đến giờ xếp chữ (ngả chữ). Giữa tiếng trống cái, trống con gõ liên hồi rộn rã, theo cò lệnh trong tay Tổng cò, các phu cò tiến lùi đứng lên, ngồi xuống thành hình chữ. Khi ngồi xuống, các phu cò vớt gậy xuống đất, như mô phỏng lại tục vớt cuốc xềng xưa của dân phu trước đền Thánh Mẫu. Việc xếp chữ gì do những người tổ chức hội hàng năm qui định, nhưng thường là "Mẫu Nghi Thiên Hạ" (Đức mẹ của muôn dân), "Thiên hạ thái bình", "Thạch cập sinh dân" (1938), "Vân hành vũ thi" (1939).

Nói tới hội phủ Giày ngày giỗ Thánh Mẫu không thể không nói tới hình thức hát văn và hầu đồng. Đây là hình thức sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa tiêu biểu cho tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu. Xưa, trong những dịp này, trong và ngoài đền phủ Chính, phủ Vân Cát, người ta tổ chức hát văn chầu và cùng với nó là lên đồng. Đây là hình thức diễn xướng tổng hợp giữa âm nhạc, hát, thờ cúng, nhảy múa. Ban văn chuyên tấu nhạc và hát văn chầu theo làn điệu và bài bản riêng, sao cho phù hợp, ăn khớp với người lên đồng. Hát văn có làn điệu riêng, độc đáo, nhưng trong đó cũng thu hút nhiều hình thức dân ca khác, như ca trù, trống quân, quan họ, cải lương... Người lên đồng để cho hồn các thần linh của tín ngưỡng Tứ Phủ nhập vào thân xác mình, rồi làm các nghi lễ trước bàn thờ, ăn mặc, nhảy múa, phán truyền theo tư cách và địa vị của thần linh ấy. Đó là các vị thần thuộc hàng các Thánh Mẫu, Quan lớn, các Châu, các ông Hoàng, các Cô, Cậu... Xưa kia, trong các ngày hội hình thức lên đồng bị lợi dụng, mang nặng tính mê tín, buôn thần, bán thánh, nên ngày nay bị chính quyền địa phương hạn chế nhiều.

Trong những ngày hội, nhân dân còn tổ chức nhiều hình thức vui chơi khác như xem hát tuồng, hát chèo, trống quân, kể cả hát xẩm, ca trù, các hình thức thi đấu mang tính thượng võ, như vật, múa võ, kéo co, đánh cò, chọi gà...

Ngoài các nghi thức tế, rước sách, kéo chữ, xem biểu diễn... hội phủ Giày còn là ngày hội Chợ. Nơi đây trong ngày hội, người ta bày bán các sản phẩm của địa phương, người đi xem thường là tiện dịp mua sắm thêm vài thứ vật dụng trong ngày hội. Hội không chỉ là sự thể hiện đời sống tâm linh, thường thức sinh hoạt văn hóa mà còn thúc đẩy hoạt động kinh tế, thương mại.

Các mặt hàng bày bán thật đa dạng, phong phú, từ cái kim sợi chỉ, chiếc cần câu, lưới, vó, dậm, nơm để đánh bắt cá. Các loại giường, tủ, bàn, ghế sản phẩm của làng mộc La Xuyên kề cạnh, các loại giày, dép, các loại đồ đan, áo tơi. Các mặt hàng sơn mài của phủ Giày vốn có tiếng từ lâu, các loại gỗ khảm trai, các bức hoành phi, câu đối cũng được bán ngoài chợ trong ngày hội.

Nói tới đi hội không thể không thường thức các món ăn, nhất là các món đặc sản địa phương mà ở phủ Giày nổi tiếng là món thịt bò tái, tương gừng, rất hợp vị với tiết trời tháng ba.

Vui hội như vậy, nên người nào đã trải hội phủ Giày một lần là còn muốn đến nữa:

*Còn trời còn nước còn non
Mòng năm rước Mẫu ta còn đi xem
Ai về nhắn chị cùng em
Bảo nhau dất dứ đi xem hội này.*

Phùng Khắc Khoan



Ngày xưa, vào đời Nhà Lê, ở làng Phùng Xá, đất Sơn Tây có một thư sinh tên là Phùng Khắc Khoan. Tương truyền rằng Khoan là anh em cùng mẹ khác cha với Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Phùng Khắc Khoan lớn lên, được mẹ cho đi Hải Dương theo học anh là Nguyễn Bình Khiêm. Về sau đỗ tiến sĩ, giúp nhà Lê trung hưng, làm được nhiều việc lớn. Đến khi Nhà Nguyễn khôi phục được kinh thành Thăng Long, thì Phùng Khắc Khoan được cử đi sứ triều Minh bên Tàu.

Khi đi sứ, vua Tàu phục tài văn thơ của ông làm cả một lúc 36 bài thơ. Vua Tàu phong Phùng Khắc Khoan làm Lương Quốc Trạng Nguyên. Khi ông trở về nước Việt, đi qua tỉnh Lạng Sơn, ông gặp Liễu Hạnh Công Chúa hiện hình chơi trên đỉnh núi. Đôi bên cùng đọc thơ xướng hoạ, rồi bà Chúa Liễu biến mất.

Tục truyền rằng công chúa Liễu Hạnh là con gái Ngọc Hoàng, tên là Quỳnh Nương. Vì cô lỡ tay làm rơi vỡ chén ngọc ở thiên đình, nên bị đày xuống trần gian, đầu thai làm người ở vào thời Hậu Lê, ở nhà của Lê Thái Tông, đất Vụ Bản, Nam Định. Họ Lê đặt tên con gái là Giáng Tiên, lớn lên lấy chồng là Đào Lang. Sau 3 năm vợ chồng chung sống, đến ngày mồng 3 tháng 3 thì Giáng Tiên bay về trời.

Nhưng vì chưa hết hạn ở Hạ Giới, nên Ngọc Hoàng lại đày cô xuống thế gian một lần nữa. Lần này, nàng công chúa Thượng Giới đi cùng với 2 tiên nữ nữa là Quế Nương và Thị Nương xuống ở miền Phố Cát, đất Thanh Hoá Nàng thương ngao du sơn thủy, hiện ra ở nhiều nơi, làm nhiều việc linh hiển, và được triều đình phong sắc là công chúa Liễu Hạnh, được xếp vào hạng tứ bất tử của Việt Nam, sau các Thần Tản Viên, Phù Đổng, Chử Đồng Tử

Trong một cuộc du ngoạn, công chúa Liễu Hạnh đã gặp nhân sĩ Phùng Khắc Khoan. Sau cuộc hoạ thơ cùng tiên nữ tài hoa, Phùng Khắc Khoan đi trên đường thấy gỗ chắt ngổn ngang trên đường, có chữ sắp là Liễu Hạnh và Phùng, thì đoán biết là ý tiên nữ muốn ông đứng ra lập đền thờ bà

Phùng Khắc Khoan còn gặp công chúa Liễu Hạnh hiện ra một lần nữa, giữa lúc ông đang đi du thuyền chơi ở Hồ Tây, cùng hai người bạn họ Ngô và họ Lý Kế tiên người phàm đã cùng nhau làm thơ xướng hoạ liên ngâm, và thơ này còn truyền đến nay.